

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 30



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Bích Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Thị Kim Ngân	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022)
Bà Nguyễn Quốc Thiên Kim	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022)
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Công Thành  
Tổng giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Số: 29 /2022/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem trang tiếp theo)*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**

**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>466.592.172.639</b>	<b>476.653.676.137</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>152.515.399.084</b>	<b>80.690.912.048</b>
1. Tiền	111		115.803.438.331	40.954.492.084
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.711.960.753	39.736.419.964
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>121.320.972.446</b>	<b>118.395.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		16.525.000.000	16.525.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		104.795.972.446	101.870.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>192.666.278.597</b>	<b>277.264.073.925</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	152.048.065.867	219.331.523.062
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	29.430.487.130	45.386.039.919
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	16.244.990.779	16.464.316.119
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(5.057.265.179)	(3.917.805.175)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>89.522.512</b>	<b>303.690.164</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.596.091	17.437.889
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	87.926.421	286.252.275
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>260.958.956.162</b>	<b>251.092.485.138</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.336.680.424</b>	<b>35.626.622.894</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	32.232.727.573	34.542.975.400
Nguyên giá	222		104.773.020.839	104.739.648.785
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.540.293.266)	(70.196.673.385)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.103.952.851	1.083.647.494
Nguyên giá	228		3.524.823.186	3.469.823.186
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.420.870.335)	(2.386.175.692)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>147.239.000</b>	<b>147.239.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		147.239.000	147.239.000
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>226.755.435.488</b>	<b>214.251.063.829</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		24.000.000.000	12.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		180.337.500.000	180.337.500.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.623.200.000	21.623.200.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(205.264.512)	(709.636.171)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.000.000.000	1.000.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>719.601.250</b>	<b>1.067.559.415</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		719.601.250	1.067.559.415
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>727.551.128.801</b>	<b>727.746.161.275</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>461.005.474.103</b>	<b>461.172.967.409</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>397.704.112.202</b>	<b>395.983.626.093</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	176.934.260.770	158.429.383.924
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.685.000	1.638.988.656
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	3.756.749.006	11.347.699.574
4. Phải trả người lao động	314	4.11	30.886.847.253	9.463.022.275
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	8.098.486.598	11.175.707.650
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	14.947.593.503	5.164.207.729
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	163.077.490.072	198.756.422.906
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	8.193.379
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>63.301.361.901</b>	<b>65.189.341.316</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.12	1.750.039.968	3.840.996.811
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	2.490.418.000	2.457.062.000
3. Trái phiếu chuyển đổi	339	4.15	59.060.903.933	58.891.282.505
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>266.545.654.698</b>	<b>266.573.193.866</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16.1	<b>266.545.654.698</b>	<b>266.573.193.866</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.490.050.000	119.490.050.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.490.050.000	119.490.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.544.394.511	45.544.394.511
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		531.977.480	531.977.480
4. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.16.3	9.400.293.842	9.400.293.842
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.16.3	12.000.000.000	12.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.396.146.947	80.423.686.115
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		68.319.770.409	24.592.402.920
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.076.376.538	55.831.283.195
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>727.551.128.801</b>	<b>727.746.161.275</b>



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.18	613.626.973.671	592.626.526.795
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		613.626.973.671	592.626.526.795
3. Giá vốn hàng bán	11	4.19	580.642.944.511	565.632.930.843
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.984.029.160	26.993.595.952
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.20	5.153.745.998	3.094.633.956
6. Chi phí tài chính	22	4.21	8.831.642.272	10.200.450.857
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		7.660.618.697	9.793.237.256
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.22	14.939.800.853	14.235.461.591
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.366.332.033	5.652.317.460
9. Thu nhập khác	31		163.273.516	268.135.542
10. Chi phí khác	32		3.095.386	286.349.069
11. Lợi nhuận khác	40		160.178.130	(18.213.527)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.526.510.163	5.634.103.933
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.24	2.450.133.625	311.497.936
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.076.376.538	5.322.605.997

**Trần Công Thành**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

**Đỗ Thị Thu Hiền**  
**Kế toán trưởng****Lục Thị Minh Trang**  
**Người lập**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		<b>14.526.510.163</b>	<b>5.634.103.933</b>
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.23	2.378.314.524	2.420.481.222
Các khoản dự phòng	03		635.088.345	1.799.265.442
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(334.157.813)	346.389.407
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.408.216.535)	(2.423.787.785)
Chi phí lãi vay	06	4.21	7.660.618.697	9.793.237.256
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>21.458.157.381</b>	<b>17.569.689.475</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		83.672.502.976	(65.454.715.006)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		42.339.202.243	54.070.136.053
Tăng giảm chi phí trả trước	12		347.958.165	341.506.843
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(5.250.000.000)
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.566.209.112)	(7.935.028.242)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(7.725.861.117)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		337.051.470	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(555.555.555)	(802.888.888)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>130.307.246.451</b>	<b>(7.461.299.765)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(88.372.054)	(576.573.879)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.928.472.446)	(39.407.068.073)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		250.000.000	11.181.924.397
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.000.000.000)	(2.585.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.408.216.535	2.423.787.785
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.358.627.965)</b>	<b>(28.962.929.770)</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	531.977.480
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.25	602.033.138.813	638.094.975.201
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.26	(637.712.071.647)	(566.844.135.057)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.893.605.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(47.572.537.834)</b>	<b>71.782.817.624</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>71.376.080.652</b>	<b>35.358.588.089</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		80.690.912.048	73.742.876.908
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		448.406.384	(352.455.501)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>152.515.399.084</b>	<b>108.749.009.496</b>



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 119.490.050.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	29.615.000.000	24,78	29.615.000.000	24,78
Công ty Cổ phần VNT Holdings	Việt Nam	27.780.000.000	23,25	27.780.000.000	23,25
Công ty Cổ phần Transimex	Việt Nam	23.571.400.000	19,73	21.074.400.000	17,64
Lionas Fund Co.,LTD	Nhật Bản	17.136.000.000	14,34	17.136.000.000	14,34
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	Việt Nam	9.000.000.000	7,53	9.000.000.000	7,53
Các đối tượng khác		12.387.650.000	10,37	14.884.650.000	12,46
<b>Cộng</b>		<b>119.490.050.000</b>	<b>100</b>	<b>119.490.050.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 249 (01 tháng 01 năm 2022 là: 237).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Giao nhận, tiếp vận.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
  - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
  - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
  - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
  - + Đại lý tàu biển;
  - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
  - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
  - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
  - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
  - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
  - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty có các công ty con, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
<b>Công ty con:</b>				
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	100%
<b>Công ty liên kết:</b>				
Công ty Cổ phần Cảng Mipac	Bán đảo Đình Vũ - khu KT Đình Vũ Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	25%	25%	25%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2022 gồm:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Hải Phòng	số 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP Hải Phòng.
Chi nhánh Bắc Ninh	tầng 6 tòa nhà VNPT, số 33 Lý Thái Tổ, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh.
Chi nhánh Hồ Chí Minh	tầng 5 Khu C Tòa nhà Waseco, số 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2021.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	617.298.226	1.042.422.692
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	115.186.140.105	39.912.069.392
Các khoản tương đương tiền	36.711.960.753	39.736.419.964
<b>Cộng</b>	<b>152.515.399.084</b>	<b>80.690.912.048</b>

Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn là tương đương tiền đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư cổ phiếu:				
Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink	6.900.000.000	9.807.476.000	6.900.000.000	13.447.364.000
Cổ phiếu Công ty CP Vinafreight	9.625.000.000	15.297.187.500	9.625.000.000	16.458.750.000
<b>Cộng</b>	<b>16.525.000.000</b>	<b>25.104.663.500</b>	<b>16.525.000.000</b>	<b>29.906.114.000</b>

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	104.795.972.446	104.795.972.446	101.870.000.000	101.870.000.000
Dài hạn:				
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 3,7% đến 5,1%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành (**)	24.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	180.337.500.000	(*)	180.337.500.000	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam	2.260.000.000	(*)	2.260.000.000	(*)
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long	19.363.200.000	(*)	19.363.200.000	(*)
<b>Cộng</b>	<b>21.623.200.000</b>		<b>21.623.200.000</b>	<b>(709.636.171)</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>225.960.700.000</b>		<b>213.960.700.000</b>	<b>(709.636.171)</b>

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Thông qua Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐQT ngày 22/02/2022 và quyết định số 01/QĐ ngày 25/03/2022, Công ty đã tăng vốn đầu tư vào Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành từ 12.000.000.000 VND lên 24.000.000.000 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	8.532.465	1.651.531.760
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH MTV Giấy Lập Thạch	7.134.133.397	-
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Vĩnh Thịnh	7.049.501.986	-
Công ty TNHH Tiếp Vận KCL	2.546.751.944	25.209.243.679
Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Speedmark	1.268.111.540	11.192.444.973
Các khách hàng khác	134.041.034.535	181.278.302.650
<b>Cộng</b>	<b><u>152.048.065.867</u></b>	<b><u>219.331.523.062</u></b>

Tại ngày 30/6/2022, mỗi đối tượng của các khách hàng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	23.080.944.155	41.365.757.452
Trả trước cho người bán:		
Regional Container Lines Public Company	4.107.642.521	3.828.435.682
Các nhà cung cấp khác	2.241.900.454	191.846.785
<b>Cộng</b>	<b><u>29.430.487.130</u></b>	<b><u>45.386.039.919</u></b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ	7.632.150.000	-	8.275.010.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.259.097.765	-	2.746.553.105	-
Phải thu khác	5.288.273.925	-	5.377.283.925	-
Tạm ứng cho bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	65.469.089	-	65.469.089	-
<b>Cộng</b>	<b>16.244.990.779</b>	<b>-</b>	<b>16.464.316.119</b>	<b>-</b>

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	1.115.620.730	-
Công ty TNHH Thương Mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	1.590.054.238	5.300.180.797	2.650.090.398
Các khách hàng khác	580.808.556	349.290.666	272.469.080	120.375.034
<b>Cộng</b>	<b>6.996.610.083</b>	<b>1.939.344.904</b>	<b>6.688.270.607</b>	<b>2.770.465.432</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2022	52.967.101.368	10.908.748.915	39.263.020.556	745.307.946	855.470.000	104.739.648.785
Mua trong kỳ	-	33.372.054	-	-	-	33.372.054
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>52.967.101.368</b>	<b>10.942.120.969</b>	<b>39.263.020.556</b>	<b>745.307.946</b>	<b>855.470.000</b>	<b>104.773.020.839</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2022	23.018.804.296	8.181.207.340	37.557.517.746	622.582.071	816.561.932	70.196.673.385
Khấu hao trong kỳ	1.453.135.044	410.492.455	441.323.514	29.318.870	9.349.998	2.343.619.881
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>24.471.939.340</b>	<b>8.591.699.795</b>	<b>37.998.841.260</b>	<b>651.900.941</b>	<b>825.911.930</b>	<b>72.540.293.266</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2022	29.948.297.072	2.727.541.575	1.705.502.810	122.725.875	38.908.068	34.542.975.400
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>28.495.162.028</b>	<b>2.350.421.174</b>	<b>1.264.179.296</b>	<b>93.407.005</b>	<b>29.558.070</b>	<b>32.232.727.573</b>

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 của TSCĐ hữu hình là 474.933.302 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 39.204.765.120 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	2.642.410.677	827.412.509	3.469.823.186
Mua trong kỳ	-	55.000.000	55.000.000
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b><u>2.642.410.677</u></b>	<b><u>882.412.509</u></b>	<b><u>3.524.823.186</u></b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	1.590.354.597	795.821.095	2.386.175.692
Khấu hao trong kỳ	8.158.122	26.536.521	34.694.643
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b><u>1.598.512.719</u></b>	<b><u>822.357.616</u></b>	<b><u>2.420.870.335</u></b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	1.052.056.080	31.591.414	1.083.647.494
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b><u>1.043.897.958</u></b>	<b><u>60.054.893</u></b>	<b><u>1.103.952.851</u></b>

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.080.963.578 VND.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 664.808.579 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	4.246.929.927	4.246.929.927	162.533.186	162.533.186
Phải trả cho người bán:				
Regional Container Lines Public Co., Ltd	119.233.992.512	119.233.992.512	95.503.292.514	95.503.292.514
Vấn phòng bán vé hãng Hàng không Korean Air Tại Tp. Hà Nội	6.372.058.808	6.372.058.808	-	-
Qatar Airway Group	2.356.548.120	2.356.548.120	1.810.005.957	1.810.005.957
Phải trả cho các đối tượng khác	44.724.731.403	44.724.731.403	60.953.552.267	60.953.552.267
<b>Cộng</b>	<b>176.934.260.770</b>	<b>176.934.260.770</b>	<b>158.429.383.924</b>	<b>158.429.383.924</b>

**4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	779.967.467	3.053.078.234	2.743.900.574	-	470.789.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.014.622.559	2.450.133.625	7.725.861.117	-	6.290.350.051
Thuế thu nhập cá nhân	-	414.262.869	6.926.527.616	9.664.424.457	-	3.152.159.710
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	407.914.820	209.588.966	198.325.854	-
Các loại thuế khác	-	1.547.896.111	7.376.920.804	7.263.424.699	-	1.434.400.006
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	87.926.421	-	-	-	87.926.421	-
<b>Cộng</b>	<b>87.926.421</b>	<b>3.756.749.006</b>	<b>20.214.575.099</b>	<b>27.607.199.813</b>	<b>286.252.275</b>	<b>11.347.699.574</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.11. Phải trả người lao động**

Là quỹ tiền lương và thưởng phải trả cho nhân viên tại ngày 30/6/2022.

**4.12. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Trích trước cước vận chuyển và phí	8.098.486.598	11.175.707.650
Dài hạn:		
Trích trước lãi vay phải trả của trái phiếu	1.750.039.968	3.840.996.811

**4.13. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.650.172.059	4.927.032.105
Các khoản phải trả, phải nộp khác	297.421.444	237.175.624
<b>Cộng</b>	<b>14.947.593.503</b>	<b>5.164.207.729</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.490.418.000	2.457.062.000

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.14. Vay**

	Tại ngày 30/06/2022		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	163.077.490.072	163.077.490.072	602.033.138.813	637.712.071.647	198.756.422.906	198.756.422.906
Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:						
<b>Ngân hàng</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022</b>
			VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	6,8% - 7%/năm	101.983.009.666	128.508.554.839	(a)	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	6,5%/năm	22.127.963.198	29.918.808.919	(b)	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	6,7%/năm	38.966.517.208	22.329.444.418	(c)	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,5%/năm	-	17.999.614.730		
<b>Cộng</b>			<b>163.077.490.072</b>	<b>198.756.422.906</b>		

Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2, được chi tiết như sau:

(a) Khoản vay được bảo đảm bằng:

- Hợp đồng tiền gửi số 163/2017/HĐTG.TX với tổng trị giá 20.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 506/2017/HĐTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 457/2019/HĐTG.TX với tổng trị giá 3.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 461/2019/HĐTG.TX với tổng trị giá 3.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 659/2019/HĐTG.TX với tổng trị giá 500.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 142/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 2.300.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 180/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 571/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 2.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 658/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

- Hợp đồng tiền gửi số 564/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 1.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 555/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 100.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 194/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 50.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 657/2020/HĐTG.TX với tổng trị giá 100.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 225/2021/HĐTG.TX với tổng trị giá 100.000 USD;
- Tài sản cố định là một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 là 474.933.302 VND – Xem thêm mục 4.7;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 là 644.808.579 VND – Xem thêm mục 4.8.

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng tiền gửi số 01/2021/HĐTG/NHNoHNPGDDB-VNT, kỳ hạn 12 tháng, với tổng trị giá 8.000.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 02/2021/HĐTG/NHNoHNPGDDB-VNT, kỳ hạn 12 tháng, với tổng trị giá 4.000.000.000 VND.

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 216000233934 với tổng giá trị là 500.000 USD;
- Tài khoản tiền gửi số 217000236409 với tổng giá trị là 5.000.000.000 VND;

(Xem trang tiếp theo)





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.15. Trái phiếu chuyển đổi**

- Trái phiếu chuyển đổi của Công ty phát hành tại ngày 28 tháng 01 năm 2021 có thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Số lượng trái phiếu chuyển đổi: 592.546 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/ trái phiếu;
- Lãi suất phát hành trái phiếu: 7%/năm;
- Kỳ hạn trả lãi: 01 năm/lần;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu = Mệnh giá trái phiếu/ Giá chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi: 7,5%/năm;
- Giá trị phần nợ gốc là 58.722.622.520 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 531.977.480 VND.

	<b>Trái phiếu chuyển đổi</b>
Tại ngày 01/01/2021	-
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	58.722.622.520
Chi phí phát hành	(137.500.000)
Phân bổ chi phí phát hành	68.750.000
Lãi trái phiếu	237.409.985
Tại ngày 31/12/2021	58.891.282.505
Phân bổ chi phí phát hành	34.375.000
Lãi trái phiếu	135.246.428
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>59.060.903.933</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyên chọn trái phiếu chuyển đổi VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2021	119.490.050.000	45.544.394.511	-	(817.208.082)	45.992.696.762	210.209.933.191
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-	531.977.480	-	-	531.977.480
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	5.322.605.997	5.322.605.997
Tại ngày 30/06/2021	119.490.050.000	45.544.394.511	531.977.480	(817.208.082)	51.315.302.759	216.064.516.668
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	50.508.677.198	50.508.677.198
Tại ngày 01/01/2022	119.490.050.000	45.544.394.511	531.977.480	(817.208.082)	101.823.979.957	266.573.193.866
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	12.076.376.538	12.076.376.538
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(210.310.706)	(210.310.706)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(11.893.605.000)	(11.893.605.000)
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>119.490.050.000</b>	<b>45.544.394.511</b>	<b>531.977.480</b>	<b>(817.208.082)</b>	<b>101.796.440.789</b>	<b>266.545.654.698</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.16.2. Cổ phiếu**

	<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.949.005	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.949.005	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.893.605	11.893.605

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.16.3. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>Tại ngày 30/06/2022 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022 VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	9.400.293.842	9.400.293.842
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	12.000.000.000	12.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>21.400.293.842</b>	<b>21.400.293.842</b>

**4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022</b>
Ngoại tệ các loại:		
USD	2.500.983,00	1.796.696,11
EUR	22.175,25	34.763,76
SGD	680,86	680,86

**4.18. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Cước vận chuyển hàng không	269.863.255.798	290.775.986.553
Cước vận chuyển đường biển	304.797.435.879	233.183.883.542
Doanh thu dịch vụ khác	38.966.281.994	68.666.656.700
<b>Cộng</b>	<b>613.626.973.671</b>	<b>592.626.526.795</b>
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.27	23.099.050.964	16.246.447.770

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.19. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	46.550.091.032	34.335.170.781
Chi phí công cụ, dụng cụ	182.370.272	184.001.410
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.029.327.140	2.067.293.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	524.359.285.556	521.522.704.245
Chi phí bằng tiền khác	7.521.870.511	7.523.761.298
<b>Cộng</b>	<b>580.642.944.511</b>	<b>565.632.930.843</b>

**4.20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	3.003.784.535	2.019.355.785
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.411.371.650	670.846.171
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	334.157.813	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	404.432.000	404.432.000
<b>Cộng</b>	<b>5.153.745.998</b>	<b>3.094.633.956</b>

**4.21. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	7.660.618.697	9.793.237.256
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.641.020.234	180.021.530
Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	(504.371.659)	(119.197.336)
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	346.389.407
Chi phí tài chính khác	34.375.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.831.642.272</b>	<b>10.200.450.857</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	9.067.046.248	7.118.921.090
Chi phí đồ dùng văn phòng	49.269.614	46.868.091
Chi phí khấu hao	348.987.384	353.188.113
Thuế, phí và lệ phí	427.986.149	347.474.159
Chi phí dự phòng	1.139.460.004	1.918.462.778
Chi phí khác	3.907.051.454	4.450.547.360
<b>Cộng</b>	<b>14.939.800.853</b>	<b>14.235.461.591</b>

**4.23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	55.617.137.280	41.454.091.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.378.314.524	2.420.481.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	525.018.911.591	522.083.272.905
Dự phòng phải thu khó đòi	1.139.460.004	1.918.462.778
Chi phí khác	11.428.921.965	11.992.083.658
<b>Cộng</b>	<b>595.582.745.364</b>	<b>579.868.392.434</b>

**4.24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	14.526.510.163	5.634.103.933
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	175.302.416	3.511.348.901
Trừ: Chi phí lãi vay của các kỳ trước không được trừ chuyển sang kỳ này theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	(2.046.712.455)	-
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	(404.432.000)	(404.432.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	12.250.668.124	8.741.020.834
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	2.450.133.625	1.748.204.167
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	(1.436.706.231)
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>2.450.133.625</b>	<b>311.497.936</b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.25. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	602.033.138.813	579.372.352.681
Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	58.722.622.520
<b>Cộng</b>	<b>602.033.138.813</b>	<b>638.094.975.201</b>

**4.26. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(637.712.071.647)	(566.844.135.057)

**4.27. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan

1. Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành
2. Công ty Cổ phần Vinafreight
3. Công ty Cổ phần VNT Holdings
4. Công ty Cổ phần Transimex
5. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty con  
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể  
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể  
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể  
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành:		
Phải thu thương mại – Xem thêm mục 4.3	8.532.465	1.651.531.760
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4	23.080.944.155	41.365.757.452
Phải trả thương mại – Xem thêm mục 4.9	(4.246.929.927)	(162.533.186)
	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tạm ứng – Xem thêm mục 4.5:		
Ông Trần Công Thành – Tổng Giám đốc	65.469.089	65.469.089

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành:		
Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 4.18	23.099.050.964	16.246.447.770
Mua dịch vụ	4.404.662.851	11.268.522.706
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chia cổ tức:		
Công ty Cổ phần Vinafreight	2.961.500.000	-
Công ty Cổ phần VNT Holdings	2.778.000.000	-
Công ty Cổ phần Transimex	2.357.140.000	-
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc	362.788.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.459.428.000</b>	<b>-</b>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch	591.499.333	528.222.222
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc/ Thành viên	519.277.111	517.111.111
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc	306.000.000	306.000.000
Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc	306.000.000	306.000.000
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc	306.000.000	306.000.000
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên	61.111.111	61.111.111
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên	61.111.111	61.111.111
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	61.111.111	61.111.111
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên	61.111.111	61.111.111
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên	61.111.111	-
<b>Cộng</b>		<b>2.334.331.999</b>	<b>2.207.777.777</b>

**4.28. Thu nhập Ban kiểm soát**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	55.555.556	56.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.29. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang  
Người lập

